

**DANH MỤC LOÀI THỦY SẢN ĐƯỢC PHÉP KINH DOANH TẠI VIỆT NAM**  
(Kèm theo Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ)

**I. CÁC LOÀI CÁ**

| TT | Tên tiếng Việt Nam                    | Tên khoa học                       |
|----|---------------------------------------|------------------------------------|
| 1  | Cá ali                                | <i>Sciaenochromis ahli</i>         |
| 2  | Cá anh vũ                             | <i>Semilabeo notabilis</i>         |
| 3  | Cá ba lưỡ                             | <i>Barbichthys laevis</i>          |
| 4  | Cá ba sa                              | <i>Pangasius bocourti</i>          |
| 5  | Cá bã trầu                            | <i>Trichopsis vittata</i>          |
| 6  | Cá bạc đầu                            | <i>Aplocheilus panchax</i>         |
| 7  | Cá bảm đá                             | <i>Sewellia lineolata</i>          |
| 8  | Cá bảm đá                             | <i>Sewellia speciosa</i>           |
| 9  | Cá bánh lái/Cá cánh bướm              | <i>Gymnocorymbus ternetzi</i>      |
| 10 | Cá bảy màu/Cá khổng tước              | <i>Poecilia reticulata</i>         |
| 11 | Cá bẻ quýt/Cá bẻ vầu/Cá khế vây vàng  | <i>Caranx ignobilis</i>            |
| 12 | Cá bò                                 | <i>Tachysurus fulvidraco</i>       |
| 13 | Cá bống                               | <i>Spinibarbus denticulatus</i>    |
| 14 | Cá bống bớp                           | <i>Bostrichthys sinensis</i>       |
| 15 | Cá bống cát                           | <i>Glossogobius giuris</i>         |
| 16 | Cá bống cau                           | <i>Butis butis</i>                 |
| 17 | Cá bông lau                           | <i>Pangasius krempfi</i>           |
| 18 | Cá bống mắt tre/cá ống điều           | <i>Brachygobius doriae</i>         |
| 19 | Cá bống mít                           | <i>Stigmatogobius sadanundio</i>   |
| 20 | Cá bống suối đầu ngắn                 | <i>Philypnus chalmersi</i>         |
| 21 | Cá bống tượng                         | <i>Oxyeleotris marmorata</i>       |
| 22 | Cá bơn cát                            | <i>Cynoglossus robustus</i>        |
| 23 | Cá bơn mào                            | <i>Samaris cristatus</i>           |
| 24 | Cá bơn ngộ                            | <i>Psettodes erumei</i>            |
| 25 | Cá bơn vằn răng to                    | <i>Pseudorhombus arsuis</i>        |
| 26 | Cá bơn v                              | <i>Paralichthys olivaceus</i>      |
| 27 | Cá bớp biển/Cá giò                    | <i>Rachycentron canadum</i>        |
| 28 | Cá bươm be dài                        | <i>Rhodeus ocellatus</i>           |
| 29 | Cá bươm be nhỏ                        | <i>Acheilognathus elongatoides</i> |
| 30 | Cá bươm già                           | <i>Pararhodeus kyphus</i>          |
| 31 | Cá bươm sông đáy                      | <i>Acanthorhodeus dayeus</i>       |
| 32 | Cá cam thoi                           | <i>Elagatis bipinnulata</i>        |
| 33 | Cá cam vân/Cá cam sọc đen/Cá cu/Cá bẻ | <i>Seriolina nigrofasciata</i>     |
| 34 | Cá cam/Cá cu/Cá cam sọc               | <i>Seriola dumerili</i>            |
| 35 | Cá cam/Cá thuyề                       | <i>Naucrates ductor</i>            |

|    |                                    |                                     |
|----|------------------------------------|-------------------------------------|
|    | sọc đen                            |                                     |
| 36 | Cá cẵng ba chấm                    | <i>Terapon puta</i>                 |
| 37 | Cá cẵng mõm nhọn                   | <i>Rhynchopelates oxyrhynchus</i>   |
| 38 | Cá cẵng sọc cong                   | <i>Terapon jarbua</i>               |
| 39 | Cá cẵng sọc thẳng                  | <i>Terapon theraps</i>              |
| 40 | Cá cấn/đòng đòng                   | <i>Barbodes semifasciolatus</i>     |
| 41 | Cá cầu vòng                        | <i>Glossolepis incisus</i>          |
| 42 | Cá cóc                             | <i>Cyclocheilichthys enoplos</i>    |
| 43 | Cá cóc đậm                         | <i>Cyclocheilichthys apogon</i>     |
| 44 | Cá còm (cá nạng hai)               | <i>Chitala ornata</i>               |
| 45 | Cá còm hoa (thác lác còm)          | <i>Chitala blanci</i>               |
| 46 | Cá cờ đen                          | <i>Macropodus spechti</i>           |
| 47 | Cá chạch bông lớn                  | <i>Mastacembelus favus</i>          |
| 48 | Cá chạch bùn/Cá chạch Đài Loan     | <i>Misgurnus anguillicaudatus</i>   |
| 49 | Cá chạch khoang                    | <i>Macrogathus circumcinctus</i>    |
| 50 | Cá chạch lá tre/Cá chạch gai       | <i>Macrogathus aculeatus</i>        |
| 51 | Cá chạch lửa                       | <i>Mastacembelus erythrotaenia</i>  |
| 52 | Cá chạch rần/Cá chạch lấu          | <i>Macrogathus taeniagaster</i>     |
| 53 | Cá chạch sông                      | <i>Mastacembelus armatus</i>        |
| 54 | Cá chài                            | <i>Leptobarbus hoevenii</i>         |
| 55 | Cá chành dục                       | <i>Channa gachua</i>                |
| 56 | Cá chát vạch                       | <i>Acrossocheilus clivosius</i>     |
| 57 | Cá chày mắt đỏ                     | <i>Squaliobarbus curriculus</i>     |
| 58 | Cá chēm/Cá vược                    | <i>Lates calcarifer</i>             |
| 59 | Cá chép                            | <i>Cyprinus carpio</i>              |
| 60 | Cá chìa vôi biển                   | <i>Proteracanthus sarissophorus</i> |
| 61 | Cá chiên sông                      | <i>Bagarius yarrelli</i>            |
| 62 | Cá chim                            | <i>Monodactylus argenteus</i>       |
| 63 | Cá chim dơi bốn sọc                | <i>Monodactylus sebae</i>           |
| 64 | Cá chim đen                        | <i>Parastromateus niger</i>         |
| 65 | Cá chim gai                        | <i>Psenopsis anomala</i>            |
| 66 | Cá chim trắng cảnh (Silver dollar) | <i>Brachyhalcinus orbicularis</i>   |
| 67 | Cá chim trắng                      | <i>Pampus argenteus</i>             |
| 68 | Cá chim trắng                      | <i>Piaractus brachypomus</i>        |
| 69 | Cá chim vây vàng                   | <i>Trachinotus blochii</i>          |
| 70 | Cá chim vây vàng (vây lưng ngắn)   | <i>Trachinotus falcatus</i>         |
| 71 | Cá chình châu Âu                   | <i>Anguilla anguilla</i>            |
| 72 | Cá chình hoa                       | <i>Anguilla marmorata</i>           |
| 73 | Cá chình mun                       | <i>Anguilla bicolor</i>             |

|     |   |  |
|-----|---|--|
| 74  | Cá chình Nhật Bản                               | <i>Anguilla japonica</i>                       |
| 75  | Cá chình nhọn                                   | <i>Anguilla borneensis</i>                     |
| 76  | Cá chọi/Cá xiêm/Cá phướn                        | <i>Betta splendens</i>                         |
| 77  | Cá chột   | <i>Mystus gulio</i>                            |
| 78  | Cá chột bông                                    | <i>Pseudomystus siamensis</i>                  |
| 79  | Cá chột sọc thường                              | <i>Mystus vittatus</i>                         |
| 80  | Cá chột vạch                                    | <i>Mystus mysticetus</i>                       |
| 81  | Cá chuối hoa                                    | <i>Channa maculate/Ophiocephalus maculatus</i> |
| 82  | Cá chuối/Cá sộp/Cá lóc                          | <i>Channa striata</i>                          |
| 83  | Cá chuồn bụng sắc                               | <i>Parazacco spilurus</i>                      |
| 84  | Cá chuồn bụng tròn                              | <i>Zacco platypus</i>                          |
| 85  | Cá chuồn cát                                    | <i>Cypselurus poecilopterus</i>                |
| 86  | Cá đĩa bông/Cá đĩa công                         | <i>Siganus guttatus</i>                        |
| 87  | Cá diếc   | <i>Carassius auratus</i>                       |
| 88  | Cá diếc nhằng                                   | <i>Tanichthys albonubes</i>                    |
| 89  | Cá diêu hồng                                    | <i>Oreochromis sp</i>                          |
| 90  | Cá dưa xám                                      | <i>Muraenesox cinereus</i>                     |
| 91  | Cá dứa/Cá tra nghệ                              | <i>Pangasius kunyit</i>                        |
| 92  | Cá đầu lân kim tuyến                            | <i>Andinoacara pulcher</i>                     |
| 93  | Cá đỏ mang                                      | <i>Systemus orphoides</i>                      |
| 94  | Cá đòng chấm                                    | <i>Enteromius stigmatopygus</i>                |
| 95  | Cá đòng đòng                                    | <i>Barbodes semifasciolatus</i>                |
| 96  | Cá đòng gai sông Đà                             | <i>Puntius takhoaensis</i>                     |
| 97  | Cá đối mực                                      | <i>Mugil cephalus</i>                          |
| 98  | Cá dù chấm                                      | <i>Nibeia maculata</i>                         |
| 99  | Cá dù đỏ/Cá hồng Mỹ                             | <i>Sciaenops ocellatus</i>                     |
| 100 | Cá dù trắng/Cá thù lù bạc                       | <i>Pennahia argentata</i>                      |
| 101 | Cá đục bạc                                      | <i>Sillago sihama</i>                          |
| 102 | Cá đuôi cờ nhọn                                 | <i>Pseudosphromenus dayi</i>                   |
| 103 | Cá ét mọi                                       | <i>Labeo chrysophekadion</i>                   |
| 104 | Cá hải long/cá ngựa nước ngọt                   | <i>Doryichthys boaja</i>                       |
| 105 | Cá hanh vàng/Cá bánh đường ba chấm/Cá tráp vàng | <i>Dentex tumifrons</i>                        |
| 106 | Cá hắc bạc/Cá chuồn sông/Cá chuồn xiêm          | <i>Crossocheilus oblongus</i>                  |
| 107 | Cá hắc bố lữ                                    | <i>Poecilia latipinna</i>                      |
| 108 | Cá hắc long                                     | <i>Osteoglossum ferreirai</i>                  |
| 109 | Cá hắc ma quỷ/Cá lông gà                        | <i>Apteronotus albifrons</i>                   |
| 110 | Cá hè chấm đỏ/Cá hè/Cá gáy                      | <i>Lethrinus lentjan</i>                       |
| 111 | Cá he vàng                                      | <i>Barbonymus schwanenfeldii</i>               |

|     |                                  |   |
|-----|----------------------------------|---|
| 112 | Cá hè mõm dài                    | <i>Lethrinus miniatus</i>                   |
| 113 | Cá he đỏ                         | <i>Barbonymus altus</i>                     |
| 114 | Cá heo                           | <i>Syncrossus hymenophysa</i>               |
| 115 | Cá heo chấm                      | <i>Syncrossus beauforti</i>                 |
| 116 | Cá heo chân                      | <i>Acantopsis dialuzona</i>                 |
| 117 | Cá heo hề/Cá chuột ba sọc        | <i>Chromobotia macracanthus</i>             |
| 118 | Cá heo râu                       | <i>Yasuhikotakia morleti</i>                |
| 119 | Cá heo rừng                      | <i>Syncrossus helodes</i>                   |
| 120 | Cá heo vạch                      | <i>Yasuhikotakia modesta</i>                |
| 121 | Cá hoả khẩu                      | <i>Thorichthys helleri</i>                  |
| 122 | Cá hoà lan râu                   | <i>Poecilia sphenops</i>                    |
| 123 | Cá hoà lan tròn                  | <i>Poecilia velifera</i>                    |
| 124 | Cá hoàng đế                      | <i>Cichla ocellaris</i>                     |
| 125 | Cá hoàng kim                     | <i>Thorichthys aureus</i>                   |
| 126 | Cá hoàng tử Phi châu             | <i>Labidochromis caeruleus</i>              |
| 127 | Cá hô                            | <i>Catlocarpio siamensis</i>                |
| 128 | Cá hổ                            | <i>Trichiurus lepturus</i>                  |
| 129 | Cá hồi vân                       | <i>Oncorhynchus mykiss</i>                  |
| 130 | Cá hồng                          | <i>Lutjanus erythropterus</i>               |
| 131 | Cá hồng bạc                      | <i>Lutjanus argentimaculatus</i>            |
| 132 | Cá hồng bốn sọc                  | <i>Lutjanus kasmira</i>                     |
| 133 | Cá hồng dải đen                  | <i>Lutjanus vitta</i>                       |
| 134 | Cá hồng đỏ                       | <i>Lutjanus sanguineus</i>                  |
| 135 | Cá hồng két                      | <i>Amphilophus labiatus X Heros severus</i> |
| 136 | Cá hồng kim/Cá hồng kiếm         | <i>Xiphophorus maculatus</i>                |
| 137 | Cá hồng mi Ấn Độ                 | <i>Sahyadria denisonii</i>                  |
| 138 | Cá hồng nhung                    | <i>Hyphessobrycon callistus</i>             |
| 139 | Cá hồng vĩ                       | <i>Phractocephalus hemioliopterus</i>       |
| 140 | Cá hú                            | <i>Pangasius conchophilus</i>               |
| 141 | Cá huyết long/Cá rồng            | <i>Scleropages formosus</i>                 |
| 142 | Cá huyết trung hồng (Zebra)      | <i>Maylandia zebra</i>                      |
| 143 | Cá kèo/Cá bóng kèo               | <i>Pseudapocryptes lanceolatus</i>          |
| 144 | Cá két                           | <i>Phalacrotonus bleekeri</i>               |
| 145 | Cá kim long Úc/Cá trân châu long | <i>Scleropages leichardti</i>               |
| 146 | Cá kìm sông                      | <i>Xenentodon cancila</i>                   |
| 147 | Cá kìm thơm bảy màu              | <i>Cichlasoma salvini</i>                   |
| 148 | Cá Koi                           | <i>Cyprinus carpio rubrofusca</i>           |
| 149 | Cá khoai                         | <i>Harpadon nehereus</i>                    |
| 150 | Cá khoang                        | <i>Yunnanilus cruciatus</i>                 |

|     |                                   |                                    |
|-----|-----------------------------------|------------------------------------|
| 151 | Cá khoang cổ                      | <i>Amphiprion frenatus</i>         |
| 152 | Cá khoang cổ nemo                 | <i>Amphiprion ocellaris</i>        |
| 153 | Cá khùng long bông                | <i>Polypterus ornatipinnis</i>     |
| 154 | Cá khùng long vàng                | <i>Polypterus senegalus</i>        |
| 155 | Cá la hán/Cá trăn châu kỳ lân     | <i>Vieja bifasciata</i>            |
| 156 | Cá lẳng chấm                      | <i>Hemibagrus guttatus</i>         |
| 157 | Cá lẳng đen                       | <i>Hemibagrus pluriradiatus</i>    |
| 158 | Cá lẳng đuôi đỏ                   | <i>Hemibagrus wyckioides</i>       |
| 159 | Cá lẳng nha                       | <i>Mystus wolffii</i>              |
| 160 | Cá lẳng vàng                      | <i>Mystus nemurus</i>              |
| 161 | Cá leo                            | <i>Wallago attu</i>                |
| 162 | Cá lim kim ao                     | <i>Dermogenys pusilla</i>          |
| 163 | Cá lóc bông                       | <i>Channa micropeltes</i>          |
| 164 | Cá lòng tong                      | <i>Esomus danrica</i>              |
| 165 | Cá lòng tong dị hình              | <i>Trigonostigma heteromorpha</i>  |
| 166 | Cá lòng tong đá                   | <i>Rasbora paviana</i>             |
| 167 | Cá lòng tong đuôi đỏ              | <i>Rasbora borapetensis</i>        |
| 168 | Cá lòng tong lưng thấp            | <i>Rasbora myersi</i>              |
| 169 | Cá lòng tong mại                  | <i>Rasbora argyrotaenia</i>        |
| 170 | Cá lòng tong mương                | <i>Luciosoma bleekeri</i>          |
| 171 | Cá lòng tong sắt                  | <i>Esomus metallicus</i>           |
| 172 | Cá lòng tong sọc                  | <i>Rasbora trilineata</i>          |
| 173 | Cá lòng tong vạch đỏ              | <i>Rasbora retrodorsalis</i>       |
| 174 | Cá lòng tong/Cá đuôi đỏ           | <i>Rasbora lateristriata</i>       |
| 175 | Cá lù dù vàng lớn/Cá đỏ dạ/Cá sóc | <i>Larimichthys crocea</i>         |
| 176 | Cá mại nam                        | <i>Laubuka laubuca</i>             |
| 177 | Cá may                            | <i>Gyrinocheilus aymonieri</i>     |
| 178 | Cá măng                           | <i>Elopichthys bambusa</i>         |
| 179 | Cá măng biển                      | <i>Chanos chanos</i>               |
| 180 | Cá măng rỏ                        | <i>Toxotes chatareus</i>           |
| 181 | Cá măng rỏ (phun nước, cao xạ)    | <i>Toxotes jaculatrix</i>          |
| 182 | Cá mặt quỷ/Cá mang ếch            | <i>Allenbatrachus grunniens</i>    |
| 183 | Cá mây trắng                      | <i>Tanichthys albonubes</i>        |
| 184 | Cá mè hoa                         | <i>Hypophthalmichthys nobilis</i>  |
| 185 | Cá mè hôi                         | <i>Osteochilus melanopleurus</i>   |
| 186 | Cá mè lúi                         | <i>Osteochilus vittatus</i>        |
| 187 | Cá mè trắng Hoa Nam               | <i>Hypophthalmichthys molitrix</i> |
| 188 | Cá mè trắng Việt Nam              | <i>Hypophthalmichthys harmandi</i> |
| 189 | Cá mè vinh                        | <i>Barbonymus gonionotus</i>       |

|     |  |   |
|-----|--|---|
| 190 | Cá mỡ vịt                              | <i>Pseudoplatystoma fasciatum</i>                       |
| 191 | Cá mòi cò hoa                          | <i>Clupanodon thrissa</i>                               |
| 192 | Cá mú (Cá song) chấm đen               | <i>Epinephelus malabaricus</i>                          |
| 193 | Cá mú (Cá song) chấm đỏ                | <i>Epinephelus akaara</i>                               |
| 194 | Cá mú (Cá song) chấm gai               | <i>Epinephelus areolatus</i>                            |
| 195 | Cá mú (Cá song) chấm tổ ong            | <i>Epinephelus merra</i>                                |
| 196 | Cá mú (Cá song) chấm vạch              | <i>Epinephelus amblycephalus</i>                        |
| 197 | Cá mú (Cá song) chấm xanh/Cá mú trắng  | <i>Plectropomus leopardus</i>                           |
| 198 | Cá mú (Cá song) chấm/Cá mú chấm xanh   | <i>Epinephelus chlorostigma</i>                         |
| 199 | Cá mú (Cá song) chuột                  | <i>Cromileptes altivelis</i>                            |
| 200 | Cá mú (Cá song) đẹt                    | <i>Epinephelus bleekeri</i>                             |
| 201 | Cá mú (Cá song) đen chấm nâu           | <i>Epinephelus coioides</i>                             |
| 202 | Cá mú (Cá song) hoa nâu/Cá mú cọp      | <i>Epinephelus fuscoguttatus</i>                        |
| 203 | Cá mú (Cá song) lai/Cá mú trần châu    | ♂ <i>Epinephelus lanceolatus</i> X ♀ <i>Epinephelus</i> |
| 204 | Cá mú (Cá song) mỡ/Cá mú ruồi          | <i>Epinephelus tauvina</i>                              |
| 205 | Cá mú (Cá song) nghệ                   | <i>Epinephelus lanceolatus</i>                          |
| 206 | Cá mú (Cá song) sao                    | <i>Plectropomus maculatus</i>                           |
| 207 | Cá mú (Cá song) sáu sọc                | <i>Epinephelus sexfasciatus</i>                         |
| 208 | Cá mú (Cá song) sáu sọc ngang          | <i>Epinephelus fasciatus</i>                            |
| 209 | Cá mú (Cá song) vạch                   | <i>Epinephelus bruneus</i>                              |
| 210 | Cá mú vàng nước ngọt/Cá mú Úc          | <i>Maccullochella peelii peelii</i>                     |
| 211 | Cá mùi/Cá hường                        | <i>Helostoma temminckii</i>                             |
| 212 | Cá mương gai                           | <i>Hainania serrata</i>                                 |
| 213 | Cá mương nam                           | <i>Luciosoma setigerum</i>                              |
| 214 | Cá nạng hai                            | <i>Chitala chitala</i>                                  |
| 215 | Cá nâu/Cá nâu                          | <i>Scatophagus argus</i>                                |
| 216 | Cá neon                                | <i>Paracheirodon innesi</i>                             |
| 217 | Cá neon Việt Nam/cá lòng tong bên hải  | <i>Tanichthys micagemmae</i>                            |
| 218 | Cá nóc da báo/Cá nóc beo/cá nóc da beo | <i>Dichotomyctere fluviatilis</i>                       |
| 219 | Cá nóc dài                             | <i>Pao leiurus</i>                                      |
| 220 | Cá nóc mắt đỏ                          | <i>Carinotetraodon lorteti</i>                          |
| 221 | Cá nóc mít                             | <i>Pao palembangensis</i>                               |
| 222 | Cá ngạnh                               | <i>Cranoglanis boudierus</i>                            |
| 223 | Cá ngân long                           | <i>Osteoglossum bicirrhosum</i>                         |
| 224 | Cá ngọc long/Cá rồng Úc                | <i>Scleropages jardinii</i>                             |
| 225 | Cá ngũ vân                             | <i>Desmopuntius pentazona</i>                           |
| 226 | Cá ngừ mắt to                          | <i>Thunnus obesus</i>                                   |
| 227 | Cá ngừ vây vàng                        | <i>Thunnus albacares</i>                                |
| 228 | Cá ngựa chấm                           | <i>Hampala dispar</i>                                   |

|     |                                       |                                      |
|-----|---------------------------------------|--------------------------------------|
| 229 | Cá ngựa chấm                          | <i>Hippocampus trimaculatus</i>      |
| 230 | Cá ngựa đen                           | <i>Hippocampus kuda</i>              |
| 231 | Cá ngựa gai                           | <i>Hippocampus histrix</i>           |
| 232 | Cá ngựa nam/Cá ngựa vạch              | <i>Hampala macrolepidota</i>         |
| 233 | Cá ngựa Nhật Bản                      | <i>Hippocampus mohnikei</i>          |
| 234 | Cá ngựa thân trắng                    | <i>Hippocampus kelloggi</i>          |
| 235 | Cá ngựa vằn                           | <i>Hippocampus comes</i>             |
| 236 | Cá ngựa vằn/Cá sọc xanh               | <i>Danio rerio</i>                   |
| 237 | Cá nheo Mỹ                            | <i>Ictalurus punctatus</i>           |
| 238 | Cá nhệch                              | <i>Pisodonophis boro</i>             |
| 239 | Cá nhỏ chào                           | <i>Sarcocheilichthys nigripinnis</i> |
| 240 | Cá nhụ bốn râu                        | <i>Eleutheronema tetradactylum</i>   |
| 241 | Cá ống điếu                           | <i>Brachygobius sua</i>              |
| 242 | Cá phèn trắng                         | <i>Polynemus longipectoralis</i>     |
| 243 | Cá phèn vàng                          | <i>Polynemus paradiseus</i>          |
| 244 | Cá quan đao                           | <i>Geophagus surinamensis</i>        |
| 245 | Cá rầm nam                            | <i>Puntius brevis</i>                |
| 246 | Cá rầm xanh                           | <i>Bangana lemassoni</i>             |
| 247 | Cá rô biển                            | <i>Lobotes surinamensis</i>          |
| 248 | Cá rô biển nước ngọt                  | <i>Pristolepis fasciata</i>          |
| 249 | Cá rô đồng                            | <i>Anabas testudineus</i>            |
| 250 | Cá rô phi vằn                         | <i>Oreochromis niloticus</i>         |
| 251 | Cá rô phi xanh                        | <i>Oreochromis aureus</i>            |
| 252 | Cá sặc bướm                           | <i>Trichopodus trichopterus</i>      |
| 253 | Cá sặc điệp/Cá sặc                    | <i>Trichopodus microlepis</i>        |
| 254 | Cá sặc gấm                            | <i>Colisa lalia</i>                  |
| 255 | Cá sặc rằn                            | <i>Trichogaster pectoralis</i>       |
| 256 | Cá sặc trăn châu                      | <i>Trichopodus leerii</i>            |
| 257 | Cá sặc vện                            | <i>Nandus nandus</i>                 |
| 258 | Cá sóc                                | <i>Oryzias latipes</i>               |
| 259 | Cá sơn bầu                            | <i>Parambassis wolffii</i>           |
| 260 | Cá sơn xiêm                           | <i>Parambassis siamensis</i>         |
| 261 | Cá sủ đất                             | <i>Protonibea diacanthus</i>         |
| 262 | Cá sừu                                | <i>Boesemania microlepis</i>         |
| 263 | Cá tai tượng Phi châu                 | <i>Astronotus ocellatus</i>          |
| 264 | Cá tai tượng/Cá phát tài/Cá hồng phát | <i>Osphronemus goramy</i>            |
| 265 | Cá tầm Beluga                         | <i>Huso huso</i>                     |
| 266 | Cá tầm Nga                            | <i>Acipenser gueldenstaedtii</i>     |
| 267 | Cá tầm Sterlet                        | <i>Acipenser ruthenus</i>            |

|     |   |                                    |
|-----|---|------------------------------------|
| 268 | Cá tầm Trung Hoa                                  | <i>Acipenser sinensis</i>          |
| 269 | Cá tầm Xibêri                                     | <i>Acipenser baerii</i>            |
| 270 | Cá tuyết tiêu/Cá tuyết điều                       | <i>Pseudotropheus socolofi</i>     |
| 271 | Cá tứ vân   | <i>Puntigrus tetrazona</i>         |
| 272 | Cá tỳ bà bướm beo                                 | <i>Sewellia elongata</i>           |
| 273 | Cá tỳ bà bướm hổ                                  | <i>Sewellia lineolata</i>          |
| 274 | Cá thác lác/Cá thác lát                           | <i>Notopterus notopterus</i>       |
| 275 | Cá thái hổ vằn/Cá hương vện                       | <i>Datnioides quadrifasciatus</i>  |
| 276 | Cá thái hổ/Cá hương                               | <i>Datnioides microlepis</i>       |
| 277 | Cá thanh ngọc                                     | <i>Trichopsis pumila</i>           |
| 278 | Cá thần tiên/Cá ông tiên                          | <i>Pterophyllum scalare</i>        |
| 279 | Cá thè be dài                                     | <i>Acheilognathus tonkinensis</i>  |
| 280 | Cá thè be sông Đáy                                | <i>Acheilognathus longibarbus</i>  |
| 281 | Cá thiên đường/săn sắt/đuôi cò/lia thia           | <i>Macropodus opercularis</i>      |
| 282 | Cá thiểu  | <i>Cultrichthys erythropterus</i>  |
| 283 | Cá thòi lòi                                       | <i>Periophthalmodon schlosseri</i> |
| 284 | Cá tra  | <i>Pangasianodon hypophthalmus</i> |
| 285 | Cá trà sọc  | <i>Probarbus jullieni</i>          |
| 286 | Cá tráp đen                                       | <i>Acanthopagrus schlegelii</i>    |
| 287 | Cá tráp vây vàng                                  | <i>Acanthopagrus latus</i>         |
| 288 | Cá trắm cỏ  | <i>Ctenopharyngodon idella</i>     |
| 289 | Cá trắm đen                                       | <i>Mylopharyngodon piceus</i>      |
| 290 | Cá trắng  | <i>Barbodes binotatus</i>          |
| 291 | Cá trắng  | <i>Coregonus lavaretus</i>         |
| 292 | Cá trên bầu                                       | <i>Ompok bimaculatus</i>           |
| 293 | Cá trên đá  | <i>Kryptopterus kryptopterus</i>   |
| 294 | Cá trên lá/Cá trên thủy tinh                      | <i>Kryptopterus bicirrhis</i>      |
| 295 | Cá trên mỡ  | <i>Phalacrotonus apogon</i>        |
| 296 | Cá trê đen  | <i>Clarias fuscus</i>              |
| 297 | Cá trê phi  | <i>Clarias gariepinus</i>          |
| 298 | Cá trê trắng                                      | <i>Clarias batrachus</i>           |
| 299 | Cá trê vàng                                       | <i>Clarias macrocephalus</i>       |
| 300 | Cá trôi Ấn Độ                                     | <i>Labeo rohita</i>                |
| 301 | Cá trôi hai màu/Cá chuột đuôi đỏ/Cá chuồn hai màu | <i>Epalzeorhynchus bicolor</i>     |
| 302 | Cá trôi mrigal                                    | <i>Cirrhinus cirrhosus</i>         |
| 303 | Cá trôi ta  | <i>Cirrhinus molitorella</i>       |
| 304 | Cá trôi Trường Giang                              | <i>Prochilodus lineatus</i>        |
| 305 | Cá vây đỏ đuôi đỏ/Cá nút                          | <i>Epalzeorhynchus frenatus</i>    |

|     |                               |   |
|-----|-------------------------------|---|
| 306 | Cá vền                        | <i>Megalobrama terminalis</i>             |
| 307 | Cá vồ cờ                      | <i>Pangasius sanitwongsei</i>             |
| 308 | Cá vồ đém                     | <i>Pangasius larnaudii</i>                |
| 309 | Cá vược lai                   | <i>Morone chrysops X Morone saxatilis</i> |
| 310 | Cá vược mõm nhọn              | <i>Psammoperca waigiensis</i>             |
| 311 | Cá xác sọc                    | <i>Pangasius nasutus</i>                  |
| 312 | Cá xảm mắt bé                 | <i>Opsarius pulchellus</i>                |
| 313 | Các loài thuộc Chi cá chuột   | <i>Corydoras</i>                          |
| 314 | Các loài thuộc Chi cá đĩa     | <i>Symphysodon</i>                        |
| 315 | Kuhli loach/Cá chạch súi Kuli | <i>Pangio kuhlii</i>                      |
| 316 | Lươn                          | <i>Monopterus albus</i>                   |

## II. CÁC LOÀI GIÁP XÁC

| TT | Tên tiếng Việt Nam                   | Tên khoa học                      |
|----|--------------------------------------|-----------------------------------|
| 1  | Cua biển                             | <i>Scylla paramamosain</i>        |
| 2  | Cua cà ra                            | <i>Eriocheir sinensis</i>         |
| 3  | Cua đồng                             | <i>Somanniathelphusa sinensis</i> |
| 4  | Cua hải quỳ                          | <i>Neopetrolisthes maculatus</i>  |
| 5  | Cua hoàng đế                         | <i>Ranina ranina</i>              |
| 6  | Cua xanh/Cua bùn                     | <i>Scylla serrata</i>             |
| 7  | Ghẹ xanh                             | <i>Portunus pelagicus</i>         |
| 8  | Rạm                                  | <i>Varuna litterata</i>           |
| 9  | Tôm bác sỹ                           | <i>Lysmata amboinensis</i>        |
| 10 | Tôm càng sông                        | <i>Macrobrachium nipponense</i>   |
| 11 | Tôm càng xanh                        | <i>Macrobrachium rosenbergii</i>  |
| 12 | Tôm hải quỳ                          | <i>Ancyllocaris brevicarpalis</i> |
| 13 | Tôm hải quỳ hoàng đế                 | <i>Zenopontonia rex</i>           |
| 14 | Tôm he Ấn Độ                         | <i>Penaeus indicus</i>            |
| 15 | Tôm he Nhật Bản                      | <i>Penaeus japonicus</i>          |
| 16 | Tôm hoa lan                          | <i>Hymenocera picta</i>           |
| 17 | Tôm hùm bông                         | <i>Panulirus ornatus</i>          |
| 18 | Tôm hùm đá                           | <i>Panulirus homarus</i>          |
| 19 | Tôm hùm đỏ                           | <i>Panulirus longipes</i>         |
| 20 | Tôm hùm lông/Tôm hùm Sỏi/Tôm hùm mốc | <i>Panulirus stimpsoni</i>        |
| 21 | Tôm hùm ma                           | <i>Panulirus penicillatus</i>     |
| 22 | Tôm hùm xám/Tôm hùm tre/Tôm hùm bùn  | <i>Panulirus polyphagus</i>       |
| 23 | Tôm hùm xanh/Tôm hùm sen/Tôm Hùm vằn | <i>Panulirus versicolor</i>       |
| 24 | Tôm mũ ni                            | <i>Ibacus ciliatus</i>            |
| 25 | Tôm mũ ni đỏ                         | <i>Scyllarides squammosus</i>     |
| 26 | Tôm mũ ni trắng                      | <i>Thenus orientalis</i>          |

|    |                            |  |
|----|----------------------------|--|
| 27 | Tôm mùa/Tôm lột            | <i>Penaeus merguensis</i>                    |
| 28 | Tôm nướng                  | <i>Penaeus chinensis</i>                     |
| 29 | Tôm rảo                    | <i>Metapenaeus ensis</i>                     |
| 30 | Tôm sọc hai càng           | <i>Stenopus hispidus</i>                     |
| 31 | Tôm sú                     | <i>Penaeus monodon</i>                       |
| 32 | Tôm tít (Bè bè) harpax     | <i>Harpisquilla harpax</i>                   |
| 33 | Tôm tít (Bè bè) interrupta | <i>Oratosquilla interrupta</i>               |
| 34 | Tôm tít (Bè bè) nepa       | <i>Miyakella nepa</i>                        |
| 35 | Tôm tít (Bè bè) woodmasoni | <i>Erugosquilla woodmasoni</i>               |
| 36 | Tôm thẻ chân trắng         | <i>Litopenaeus vannamei/Penaeus vannamei</i> |
| 37 | Tôm thẻ rần                | <i>Penaeus semisulcatus</i>                  |

### III. CÁC LOÀI NHUYỄN THỂ

| TT | Tên tiếng Việt Nam            | Tên khoa học                              |
|----|-------------------------------|---|
| 1  | Bàn mai                       | <i>Atrina pectinata</i>                   |
| 2  | Bào ngư bầu dục               | <i>Haliotis ovina</i>                     |
| 3  | Bào ngư chín lỗ/Cửu khổng     | <i>Haliotis diversicolor</i>              |
| 4  | Bào ngư vành tai              | <i>Haliotis asinina</i>                   |
| 5  | Các loài thuộc Họ ốc móng tay | <i>Solenidae</i>                          |
| 6  | Điệp                          | <i>Chlamys nobilis</i>                    |
| 7  | Điệp quạt                     | <i>Mimachlamys crassicostata</i>          |
| 8  | Hàu Belchery                  | <i>Crassostrea belcheri</i>               |
| 9  | Hàu cửa sông                  | <i>Crassostrea rivularis</i>              |
| 10 | Hàu Thái Bình Dương           | <i>Crassostrea gigas</i>                  |
| 11 | Mực lá                        | <i>Sepioteuthis lessoniana</i>            |
| 12 | Mực nang vân hổ               | <i>Sepia pharaonis</i>                    |
| 13 | Mực ống Trung Hoa             | <i>Uroteuthis (Photololigo) chinensis</i> |
| 14 | Ngán                          | <i>Austrielia corrugata</i>               |
| 15 | Ngao (Nghêu) Bến Tre          | <i>Meretrix lyrata</i>                    |
| 16 | Ngao (Nghêu) dầu              | <i>Meretrix meretrix</i>                  |
| 17 | Ngao (Nghêu) Lụa              | <i>Paratapes undulatus</i>                |
| 18 | Ngao Bốn cạnh (Vọp)           | <i>Mactra quadrangularis</i>              |
| 19 | Ngao giá                      | <i>Tapes literatus</i>                    |
| 20 | Ngao hai cùi                  | <i>Tapes dorsatus</i>                     |
| 21 | Ngao ô vuông                  | <i>Periglypta puerpera</i>                |
| 22 | Ốc đá/Ốc màu/Ốc Labi          | <i>Monodonta labio</i>                    |
| 23 | Ốc đĩa/Ốc đẽ đen              | <i>Nerita balteata</i>                    |
| 24 | Ốc gạo                        | <i>Assimineea lutea</i>                   |
| 25 | Ốc hương                      | <i>Babylonia areolata</i>                 |
| 26 | Ốc len                        | <i>Cerithidea obtusa</i>                  |

|    |                                   |                               |
|----|-----------------------------------|-------------------------------|
| 27 | Ốc nhồi                           | <i>Pila polita</i>            |
| 28 | Sò huyết                          | <i>Tegillarca granosa</i>     |
| 29 | Sò lông                           | <i>Anadara subcrenata</i>     |
| 30 | Sò Nodi                           | <i>Tegillarca nodifera</i>    |
| 31 | Tu hải                            | <i>Lutraria rhynchaena</i>    |
| 32 | Trai cánh mỏng                    | <i>Cristaria plicata</i>      |
| 33 | Trai cánh xanh                    | <i>Sinohyriopsis cumingii</i> |
| 34 | Trai cóc (traí côm)               | <i>Lamprotula leaii</i>       |
| 35 | Trai ngọc môi đen                 | <i>Pinctada margaritifera</i> |
| 36 | Trai ngọc môi vàng/Trai tai tượng | <i>Pinctada maxima</i>        |
| 37 | Trai ngọc nữ                      | <i>Pteria penguin</i>         |
| 38 | Trai ngọc trắng/Trai mã thị       | <i>Pinctada martensii</i>     |
| 39 | Trai sông                         | <i>Sinanodonta eiliptica</i>  |
| 40 | Trai tai ghé                      | <i>Tridacna squamosa</i>      |
| 41 | Trai tai tượng lớn                | <i>Tridacna maxima</i>        |
| 42 | Trai tai tượng vàng ghé           | <i>Tridacna crocea</i>        |
| 43 | Vẹm xanh                          | <i>Perna viridis</i>          |
| 44 | Vọp                               | <i>Geloina expansa</i>        |

#### IV. CÁC LOÀI BÒ SÁT, LƯỠNG CỰ

| TT | Tên tiếng Việt Nam   | Tên khoa học                                 |
|----|----------------------|--|
| 1  | Ba ba gai            | <i>Palea steindachneri</i>                   |
| 2  | Ba ba Nam Bộ         | <i>Amyda cartilaginea</i>                    |
| 3  | Ba ba trơn/Ba ba hoa | <i>Pelodiscus sinensis/ Trionyx sinensis</i> |
| 4  | Ếch đồng             | <i>Hoplobatrachus tigerinus</i>              |
| 5  | Ếch Thái Lan         | <i>Hoplobatrachus rugulosus</i>              |

#### V. CÁC LOÀI DA GAI, GIUN ĐỐT

| TT | Tên tiếng Việt Nam               | Tên khoa học                              |
|----|----------------------------------|---|
| 1  | Cầu gai đá/Nhum đá               | <i>Heterocentrotus mammillatus</i>        |
| 2  | Cầu gai đen                      | <i>Diadema setosum</i>                    |
| 3  | Cầu gai sọ dừa/Nhum sọ           | <i>Tripneustes gratilla</i>               |
| 4  | Cầu gai tím                      | <i>Heliocidaris crassispina</i>           |
| 5  | Cầu gai/Nhím biển                | <i>Hemicentrotus pulcherrimus</i>         |
| 6  | Giun nhiều tơ                    | <i>Perinereis nuntia</i>                  |
| 7  | Giun nhiều tơ                    | <i>Marphysa mossambica</i>                |
| 8  | Giun nhiều tơ/Rươi biển/Dời biển | <i>Perinereis nuntia var. brevicirris</i> |
| 9  | Hải sâm                          | <i>Apostichopus japonicus</i>             |
| 10 | Hải sâm cát/Đồn đọt              | <i>Holothuria scabra</i>                  |
| 11 | Hải sâm đen mềm                  | <i>Holothuria leucospilota</i>            |
| 12 | Hải sâm đen/Đồn đọt đen          | <i>Holothuria atra</i>                    |

|    |                             |                                    |
|----|-----------------------------|------------------------------------|
| 13 | Hải sâm lựu                 | <i>Thelenota ananas</i>            |
| 14 | Hải sâm mít hoa/Đồn đột dừa | <i>Actinopyga mauritiana</i>       |
| 15 | Hải sâm mít/Đồn đột mít     | <i>Actinopyga echinites</i>        |
| 16 | Hải sâm vú                  | <i>Holothuria nobilis</i>          |
| 17 | Rươi                        | <i>Tylorrhynchus heterochaetus</i> |
| 18 | Sá sùng/Trùng biển/Sâu đất  | <i>Sipunculus nudus</i>            |

#### VI. CÁC LOÀI RONG

| TT | Tên tiếng Việt Nam    | Tên khoa học                            |
|----|-----------------------|---|
| 1  | Rong bắp sù           | <i>Kappaphycus striatum</i>             |
| 2  | Rong câu cước         | <i>Gracilariopsis bailiniae</i>         |
| 3  | Rong câu chân vịt     | <i>Hydropuntia eucheumatoides</i>       |
| 4  | Rong câu chỉ          | <i>Gracilaria tenuistipitata</i>        |
| 5  | Rong câu thắt         | <i>Gracilaria firma</i>                 |
| 6  | Rong hồng vân         | <i>Betaphycus gelatinus</i>             |
| 7  | Rong lá mơ lá dày     | <i>Sargassum crassifolium</i>           |
| 8  | Rong lá mơ Mucclurei  | <i>Sargassum mcclurei</i>               |
| 9  | Rong lá mơ nhiều phao | <i>Sargassum polycystum</i>             |
| 10 | Rong mơ               | <i>Sargassum oligocystum</i>            |
| 11 | Rong mơ bia đôi       | <i>Sargassum duplicatum</i>             |
| 12 | Rong mơ lá phao       | <i>Sargassum mcclurei f. duplicatum</i> |
| 13 | Rong mơ Quy Nhơn      | <i>Sargassum quinhonense</i>            |
| 14 | Rong mơ swartzii      | <i>Sargassum swartzii</i>               |
| 15 | Rong nhỏ              | <i>Caulerpa lentillifera</i>            |
| 16 | Rong sụn (Rong đỏ)    | <i>Kappaphycus alvarezii</i>            |
| 17 | Rong sụn gai          | <i>Eucheuma denticulatum</i>            |

#### VII. CÁC LOÀI VI TẢO

| TT | Tên khoa học                     |
|----|----------------------------------|
| 1  | <i>Coscinodiscus excentricus</i> |
| 2  | <i>Coscinodiscus rothii</i>      |
| 3  | <i>Cyclotella comta</i>          |
| 4  | <i>Cyclotella stylonum</i>       |
| 5  | <i>Cyclotella striata</i>        |
| 6  | <i>Chaetoceros calcitrans</i>    |
| 7  | <i>Chaetoceros gracilis</i>      |
| 8  | <i>Chaetoceros muelleri</i>      |
| 9  | <i>Chlorella vulgaris</i>        |
| 10 | <i>Chroomonas salina</i>         |
| 11 | <i>Diacronema lutheri</i>        |
| 12 | <i>Dunaliella salina</i>         |

|    |  |
|----|--|
| 13 | <i>Dunaliella tertiolecta</i>          |
| 14 | <i>Haematococcus pluvialis</i>         |
| 15 | <i>Isochrysis galbana</i>              |
| 16 | <i>Melosira granulata</i>              |
| 17 | <i>Nannochloropsis oculata</i>         |
| 18 | <i>Navicula cancellata</i>             |
| 19 | <i>Navicula cari f. cari</i>           |
| 20 | <i>Nitzschia longissima</i>            |
| 21 | <i>Phaeodactylum tricornutum</i>       |
| 22 | <i>Rhodomonas salina</i>               |
| 23 | <i>Schizochytrium limacinum</i>        |
| 24 | <i>Schizochytrium mangrovei</i>        |
| 25 | <i>Skeletonema costatum</i>            |
| 26 | <i>Spirulina platensis</i>             |
| 27 | <i>Tetraselmis convolutae</i>          |
| 28 | <i>Tetraselmis chuii</i>               |
| 29 | <i>Thalassionema frauenfeldii</i>      |
| 30 | <i>Thalassionema nitzschioides</i>     |
| 31 | <i>Thalassiosira pseudonana</i>        |
| 32 | <i>Thalassiosira weissflogii</i>       |
| 33 | <i>Thalassiothrix frauenfeldii</i>     |
| 34 | <i>Thraustochytrium aureum</i>         |
| 35 | <i>Thraustochytrium striatum</i>       |
| 36 | Các loài thuộc chi <i>Labyrinthula</i> |

### VIII. CÁC LOÀI ĐỘNG VẬT PHÙ DU

| TT | Tên khoa học                         |
|----|--------------------------------------|
| 1  | <i>Acartia (Acanthacartia) tonsa</i> |
| 2  | <i>Artemia franciscana</i>           |
| 3  | <i>Artemia monica</i>                |
| 4  | <i>Artemia persimilis</i>            |
| 5  | <i>Artemia salina</i>                |
| 6  | <i>Artemia sinica</i>                |
| 7  | <i>Artemia tibetiana</i>             |
| 8  | <i>Artemia urmiana</i>               |
| 9  | <i>Brachionus angularis</i>          |
| 10 | <i>Brachionus calyciflorus</i>       |
| 11 | <i>Brachionus plicatilis</i>         |
| 12 | <i>Brachionus rotundiformis</i>      |
| 13 | <i>Calanopia thompsoni</i>           |

|    |                        |
|----|------------------------|
| 14 | <i>Daphnia magna</i>   |
| 15 | <i>Daphnia pulex</i>   |
| 16 | <i>Labidocera pavo</i> |
| 17 | <i>Moina dubia</i>     |
| 18 | <i>Moina macrocopa</i> |
| 19 | <i>Moina micrura</i>   |
| 20 | <i>Proales similis</i> |

#### **IX. CÁC LOÀI SAN HÔ**

| <b>TT</b> | <b>Tên tiếng Việt</b>   | <b>Tên khoa học</b>        |
|-----------|-------------------------|----------------------------|
| 1         | Các loài san hô mềm     | <i>Alcyonium sp.</i>       |
| 2         | Các loài san hô mềm     | <i>Nephthea sp.</i>        |
| 3         | Các loài san hô mềm     | <i>Pachyclavularia sp.</i> |
| 4         | Các loài san hô mềm     | <i>Sarcophyton sp.</i>     |
| 5         | Các loài san hô nấm mềm | <i>Discosoma sp.</i>       |
| 6         | Các loài san hô nấm mềm | <i>Rhodatis sp.</i>        |
| 7         | Các loài san hô nút áo  | <i>Zoanthus sp.</i>        |